

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 08/4/2021
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nguyệt Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hùng Dương.
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ là Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Vào ngày 08 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 583/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2020 về việc “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23/3/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Kim Nguyễn Lăng B, sinh năm 1973; HKTT: Số 1200/34 đường L, tổ 94, khu 8, phường P, thành phố T, tỉnh B; địa chỉ: Số 39/25 T, khu 3, phường P, thành phố T, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Hồ Minh K, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 1200/34 đường L, tổ 94, khu 8, phường P, thành phố T, tỉnh B; địa chỉ liên hệ: Phòng 1030, chung cư P, phường P, thành phố T, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện ngày 01/12/2020 và tại bản tự khai ngày 01/12/2020, nguyên đơn bà Kim Nguyễn Lăng B trình bày:***

Bà Kim Nguyễn Lăng B và ông Hồ Minh K là vợ chồng, sống chung với nhau từ năm 1998, ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố T, tỉnh B

theo Giấy chứng nhận kết hôn số 68, quyền số 01/98 ngày 24/8/1998. Trong thời gian đầu chung sống, vợ chồng hạnh phúc nhưng từ năm 2019 bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, làm việc gì cũng không thỏa thuận được, bà B đã cố gắng khuyên nhủ và hàn gắn nhưng ông K không thay đổi nên tình cảm vợ chồng không còn, mạnh ai nấy sống. Từ đầu năm 2020 vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi cho đến nay. Vì vậy, nay bà B yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà B được ly hôn với ông K.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Hồ Đình Minh A, sinh ngày 05/01/1999 và Hồ Đình Thanh A, sinh ngày 22/5/2007. Sau khi ly hôn bà Kim Nguyễn Lăng B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Hồ Minh Thanh A, sinh ngày 22/5/2007, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Hồ Đình Minh A sinh ngày 05/01/1999, đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 26/01/2021, bị đơn ông Hồ Minh K trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với bà Kim Nguyễn Lăng B về quá trình tìm hiểu, kết hôn và những mâu thuẫn vợ chồng. Quá trình sống chung vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, do tính tình không hòa hợp, dần mất tình cảm với nhau nên vợ chồng không thể hàn gắn được. Nay không còn yêu thương nhau nên bà B yêu cầu ly hôn ông K đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung cháu Hồ Đình Minh A sinh ngày 05/01/1999 và cháu Hồ Minh Thanh A, sinh ngày 22/5/2007. Sau khi ly hôn, tôi đồng ý giao cháu Hồ Minh Thanh A cho cô Biêng nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Hồ Đình Minh A sinh ngày 05/01/1999, đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi con và cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Kim Nguyễn Lăng B và bị đơn ông Hồ Minh K đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* Ngày 28/01/2021, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống giữa bà Kim Nguyễn Lăng B và ông Hồ Minh K tại địa phương và được ông Trịnh Văn T là cán bộ Ban điều hành khu phố 8, phường P, thành phố T, tỉnh B cung cấp: Quá trình bà Kim Nguyễn Lăng B và ông Hồ Minh K sinh sống tại địa phương, chính quyền không ghi nhận bà B, ông K có mâu thuẫn vì bà B, ông K không khai báo và cũng không có đơn đề nghị hòa giải mâu thuẫn gia đình. Do đó không biết rõ giữa

hai anh chị có mâu thuẫn như thế nào. Vấn đề con chung, công việc và thu nhập chính quyền địa phương cũng không biết nên không cung cấp thông tin được cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72, 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến và yêu cầu khắc phục gì thêm. Về mặt nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kim Nguyễn Lăng B đối với bị đơn ông Hồ Minh K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Kim Nguyễn Lăng B và ông Hồ Minh K cùng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà B và ông K theo quy định tại Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Kim Nguyễn Lăng B và ông Hồ Minh K là vợ chồng, tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND phường P theo Giấy chứng nhận kết hôn số 68, quyển số 01/98 ngày 24/8/1998 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo qui định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Theo đơn khởi kiện, bà B trình bày nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, việc gì vợ chồng cũng không cùng thỏa thuận được, vợ chồng hàn gắn nhưng không có kết quả. Từ đầu năm 2020, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, bà B nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà B được ly hôn với ông K.

Qua xác minh tại địa phương thể hiện việc vợ chồng bà B và ông K có mâu thuẫn hay không thì địa phương không rõ, vì vợ chồng bà B và ông K không trình báo địa phương về vấn đề mâu thuẫn gia đình. Xét thấy, thực tế bà B và ông K không còn sống chung với nhau từ đầu năm 2020 cho đến nay, cho thấy vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm lẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án, cả bà B, ông K đều có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, bà B còn làm đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành đối chất, hòa giải cho thấy cả bà B và ông K không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ.

Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn giữa bà B và ông K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà B yêu

cầu được ly hôn với ông K là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Kim Nguyễn Lăng B và ông Hồ Minh K có 02 con chung là cháu Hồ Đình Minh A sinh ngày 05/01/1999 và cháu Hồ Minh Thanh A, sinh ngày 22/5/2007. Đối với cháu Hồ Đình Minh A đã trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với cháu Hồ Minh Thanh A có nguyện vọng được sống với mẹ. Sau khi ly hôn, ông K đồng ý giao con chung Hồ Minh Thanh A cho bà B nuôi dưỡng. Do vậy, cần giao cháu Hồ Minh Thanh A cho bà Kim Nguyễn Lăng B được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà B không yêu cầu ông K cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 203, khoản 1 Điều 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1 Điều 59, khoản 1, 2 Điều 81 và các điều 82, 83, 84, 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kim Nguyễn Lăng B đối với bị đơn ông Hồ Minh K về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Kim Nguyễn Lăng B được ly hôn với ông Hồ Minh K.

1.2. Về con chung: Giao cháu Hồ Minh Thanh A, sinh ngày 22/5/2007 cho bà Kim Nguyễn Lăng B được trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với cháu Hồ Đình Minh A đã

trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, bà B không có quyền cản trở. Trường hợp ông K lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà B thì bà B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông K.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung chưa thành niên, khi một trong các đương sự hoặc cả hai đương sự có yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con khi xét thấy cần thiết.

1.4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Kim Nguyễn Lăng B phải chịu số tiền 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0050893 ngày 08/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND phường Phú Thọ;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thị Nguyệt Ánh